

SỬ DỤNG CÔNG CỤ AI TRONG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN VÕ THỊ HÀO GIA
NGUYỄN VŨ THÀNH TÂM
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 15/12/2025. Sửa chữa xong 20/01/2026. Duyệt đăng 02/02/2026.

Abstract

Artificial intelligence (AI) has developed rapidly and is exerting an increasingly significant influence across various sectors, particularly in education. Recognizing this trend, the study surveyed 187 students at a high school in Ho Chi Minh City. Based on qualitative findings, the research analyzes and evaluates the current use of AI tools in students' learning processes, while also identifying the difficulties and limitations that still exist in teaching and learning practices. These findings provide a solid basis for proposing several measures to address the shortcomings associated with students' use of AI tools in learning and to promote their more effective and responsible use in educational settings.

Keywords: AI tools in learning, Artificial intelligence, current status of AI usage, digital competence framework, responsible use of AI.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển vũ bão của trí tuệ nhân tạo (AI) đã tạo nên một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển của nhân loại và đang là một trong những công nghệ thay đổi thế giới mạnh mẽ nhất thế kỷ 21. AI được thừa nhận có khả năng thực hiện nhiều nhiệm vụ phức tạp, bao gồm học máy, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, thị giác máy tính và tự động hóa robot (Norvig, P., & Russell, S. J. (1995) [7, tr. 4]. Việc tích hợp trí tuệ nhân tạo vào giảng dạy và nghiên cứu khoa học không chỉ là xu thế mà còn là yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số (Phan Trung Kiên và cộng sự, 2024) [9]. Thêm vào đó, hai tác giả Bùi Trọng Tài và Nguyễn Minh Tuấn (2024) [4] đã thực hiện "Nghiên cứu ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục tới hoạt động của sinh viên" đã đưa ra được ảnh hưởng tất yếu của AI, những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực từ AI đến các hoạt động học tập của người học. Thực trạng ứng dụng các công cụ như ChatGPT trong học tập đã được khảo sát tại nhiều trường đại học lớn như Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh hay Đại học Huế cho thấy xu hướng sử dụng ngày càng tăng nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức về tính trung thực trong học thuật (Đặng Văn Em và cộng sự, 2024) [5]; Nguyễn Đăng Nhật và cộng sự, 2024) [8].

Bên cạnh những lợi ích, sự phụ thuộc quá mức vào công cụ AI có thể dẫn đến hệ lụy là học sinh (HS) trở nên lười tư duy, giảm khả năng sáng tạo và giải quyết vấn đề độc lập (Billynguyen, 2025) [1]. Học sinh THPT đang ở độ tuổi có sự thay đổi mạnh mẽ về tâm sinh lý, luôn tò mò và nhạy bén với các công nghệ mới nhưng cũng dễ bị tác động bởi các yếu tố tiêu cực từ môi trường mạng (Trường THPT Nguyễn Du, 2022) [10]. Theo lý thuyết phát triển nhận thức của Vygotsky, việc học tập đạt hiệu quả cao nhất khi người học nhận được sự hỗ trợ phù hợp trong "vùng phát triển gần" (ZPD) và AI có thể đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ (scaffolding) trong quá trình này (Saul McLeod, 2025) [11]. Trong tương

Email: thanhtram@hcmussh.edu.vn

lai gần, AI được dự đoán sẽ đóng vai trò then chốt trong các lĩnh vực kinh tế, y tế và đặc biệt là giáo dục: làm thay đổi căn bản phương thức học tập và giảng dạy truyền thống. Chính vì lẽ đó, xu thế toàn cầu này đòi hỏi hệ thống giáo dục Việt Nam phải có sự điều chỉnh kịp thời để trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để thích ứng và tận dụng được các công cụ mới. Nhận thức được tầm ảnh hưởng của AI trong giáo dục và các khó khăn thách thức đang hiện hữu, thực trạng sử dụng công cụ AI trong quá trình học tập của HS cần được phân tích và nghiên cứu.

2. Tổng quan lý luận

2.1. Trí tuệ nhân tạo (AI) và công cụ AI trong học tập

Trí tuệ nhân tạo (AI) được định nghĩa là việc phát triển các hệ thống máy móc có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí tuệ con người như học tập, suy luận và giải quyết vấn đề (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025) [2, tr. 5]. Công cụ AI (Artificial Intelligence Tools) là các phần mềm, chương trình hoặc nền tảng sử dụng AI để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp một cách tự động (Norvig, P., & Russell, S. J. (1995) [7, tr. 4]. Một số công cụ AI thường được dùng trong môi trường dạy học: công cụ hỗ trợ người dùng (ChatGPT, Gemini, Copilot,...), công cụ tạo hình ảnh (Midjourney, DALL-E, Stable Diffusion,...), công cụ dịch thuật (Google Dịch, Microsoft Translator),...

2.2. Khung năng lực số và định hướng AI của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.2.1. Khung năng lực số của người học 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT) đã ban hành Thông tư số 02/2025/TT-BGD&ĐT về Quy định Khung năng lực số (KNLS) dành cho người học. Văn bản này đã đề cập cụ thể đến Năng lực Ứng dụng AI, bao gồm ba thành tố quan trọng: Hiểu biết về AI: Khả năng nắm bắt các khái niệm cơ bản và nguyên tắc hoạt động của AI; Sử dụng AI có đạo đức và trách nhiệm: Khả năng áp dụng AI để giải quyết vấn đề học tập một cách đúng đắn, tránh sao chép và gian lận; Đánh giá công cụ AI: Khả năng nhận định tính chính xác, hiệu quả và rủi ro của các công cụ AI được sử dụng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025) [2, tr. 12].

Việc hình thành kiến thức và kỹ năng liên quan đến năng lực này được xem là bước “đón đầu” xu thế phát triển cho tương lai, giúp HS sớm tiếp xúc với môi trường số và chuẩn bị nền tảng vững chắc trước khi bước vào thị trường lao động

2.2.2. Mối quan hệ giữa khung năng lực số và Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018

Mối quan hệ giữa KNLS của người học 2025 và Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) tổng thể 2018 là mối quan hệ hỗ trợ, cụ thể hóa và cập nhật. Trong đó, KNLS 2025 đóng vai trò là một khuôn khổ tiêu chuẩn giúp đạt được các mục tiêu về năng lực cốt lõi trong Chương trình GDPT 2018, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và kỷ nguyên AI. Có thể phân tích mối quan hệ này qua các khía cạnh sau: KNLS 2025 là sự cụ thể hóa và chuẩn hóa cho mục tiêu của Chương trình GDPT tổng thể 2018; Sự tương thích với các Năng lực cốt lõi trong Chương trình GDPT tổng thể 2018; Cập nhật và “đón đầu” xu thế AI.

Khung năng lực số 2025 là sự cụ thể hóa và chuẩn hóa cho mục tiêu của Chương trình GDPT 2018: - *Mục tiêu chung*: Chương trình GDPT 2018 có mục tiêu tổng quát là phát triển toàn diện, hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực cốt lõi cho người học, bao gồm khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn và thích ứng linh hoạt với bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng Công nghiệp mới; - *Vị trí của KNLS 2025*: KNLS 2025 được Bộ GD&ĐT ban hành nhằm chuẩn hóa và định hướng nội dung kiến thức để thúc đẩy năng lực của người học cấp phổ thông. Điều này cho thấy KNLS 2025 cung cấp một thước đo chi tiết và một lộ trình phát triển cụ thể để người học đạt được các yêu cầu về năng lực, trong đó có năng lực số mà Chương trình GDPT 2018 đã đề ra.

Sự tương thích với các Năng lực cốt lõi trong Chương trình GDPT 2018: Chương trình GDPT 2018 xác định 7 năng lực đặc thù, trong đó có Năng lực công nghệ và Năng lực tin học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018) [3, tr. 37]. KNLS 2025 với 6 miền năng lực chính (Khai thác dữ liệu và thông tin, Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số, Sáng tạo nội dung số, An toàn, Giải quyết vấn đề, Ứng dụng AI) đã cụ thể hóa và mở rộng các khía cạnh cần thiết của Năng lực công nghệ và Năng lực tin học trong Chương trình GDPT 2018.

Bảng 1: Cấu trúc tổng thể của Khung NL-AI-GV: Các khía cạnh và cấp độ tiến triển

Miền năng lực trong KNLS 2025	Năng lực cốt lõi 2018
Kiến thức và nhận thức số Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số	Năng lực giao tiếp và hợp tác
Tạo nội dung số	Năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề
An toàn và đạo đức số	Năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, công dân số
Giải quyết vấn đề trong môi trường số	Năng lực tư duy phản biện, ứng dụng công nghệ trong học tập
Học tập và phát triển năng lực số suốt đời	Năng lực tự học, học suốt đời

Cập nhật và “đón đầu” xu thế AI: KNLS 2025 bổ sung miền năng lực thứ VI là Ứng dụng AI (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025) [2, tr. 9]. Miền năng lực này bao gồm 3 thành tố quan trọng: *Hiểu biết về AI, Sử dụng AI có đạo đức và trách nhiệm, Đánh giá các công cụ AI*. Việc bổ sung năng lực này là thiết yếu để đáp ứng mục tiêu của Chương trình GDPT 2018 về việc trang bị cho người học khả năng thích ứng linh hoạt với bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng Công nghiệp mới, nơi AI đóng vai trò then chốt trong nhiều lĩnh vực (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018) [3, tr. 5]. KNLS 2025 giúp HS sớm tiếp xúc với môi trường số và chuẩn bị nền tảng vững chắc trước khi bước vào thị trường lao động trong tương lai, đúng như định hướng “đón đầu” xu thế phát triển. KNLS 2025 không phải là một chương trình độc lập mà là một khung tiêu chuẩn năng lực chi tiết, được xây dựng dựa trên mục tiêu và yêu cầu của Chương trình GDPT 2018, đồng thời bổ sung các năng lực mới (như Ứng dụng AI) để đảm bảo người học Việt Nam đáp ứng được yêu cầu của thời đại công nghệ số.

3. Kết quả khảo sát và bàn luận

3.1. Xây dựng bảng hỏi

Khảo sát được thực hiện từ ngày 01 đến ngày 31 tháng 10 năm 2025 tại trường THPT TKN ở Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo tuân thủ đạo đức nghiên cứu khoa học và thực hiện cam kết bảo mật, danh tính của trường thực nghiệm được mã hóa để bảo vệ quyền riêng tư, tránh mọi khả năng nhận diện ngoài ý muốn. Mẫu khảo sát gồm 187 HS ở cả ba khối 10, 11 và 12. Để đánh giá toàn diện thực tiễn ứng dụng công cụ AI trong quá trình học tập của HS THPT, bảng rubric được xây dựng với mục đích đánh giá các thực trạng sử dụng công cụ AI của HS trong quá trình học tập trên khuôn khổ tham chiếu dựa trên KNLS của người học 2025 của Bộ GD&ĐT. Dữ liệu thu thập từ khảo sát được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 26.0 để phân tích các chỉ số thống kê mô tả, tần suất và giá trị trung bình (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008) [6]:

Bảng 2: Rubric đánh giá thực trạng sử dụng công cụ AI của HS THPT

Mức độ đánh giá Tiêu chí đánh giá	Tốt	Trung bình	Chưa tốt
Mức độ hiểu biết về AI của HS	- Nắm được khái niệm cơ bản và một số công cụ AI phổ biến - Sử dụng từ 4 kênh thông tin trở lên hoặc nguồn thông tin khoa học, xác thực tìm kiếm các thông tin liên quan đến công cụ AI - Đã nghe qua và sử dụng ít nhất từ 4 công cụ AI trở lên.	- Nắm được khái niệm cơ bản và một số công cụ AI phổ biến - Sử dụng từ 2-3 kênh thông tin chính thống và đảm bảo chất lượng, tìm kiếm các thông tin liên quan đến công cụ AI. - Đã nghe qua và sử dụng từ 2 đến 3 công cụ AI.	- Nhận thức mơ hồ, chỉ biết đến các công cụ thông dụng nhất mà không hiểu rõ bản chất. - Chỉ sử dụng dưới 2 kênh thông tin và thông tin chưa đảm bảo độ chính xác và chất lượng (từ bạn bè trong lớp). - Đã nghe qua và sử dụng dưới 2 công cụ AI.
Mục đích sử dụng AI trong học tập	- Thường xuyên sử dụng hoặc đôi khi mới sử dụng công cụ AI để hỗ trợ nhiệm vụ học tập - Chỉ sử dụng AI với vai trò là một công cụ hỗ trợ học tập, không thay thế hoàn toàn sức người.	- Thường xuyên sử dụng hoặc đôi khi mới sử dụng công cụ AI để hỗ trợ nhiệm vụ học tập - Sử dụng AI với vai trò là một công cụ hỗ trợ nhưng đôi khi vẫn dùng AI để thay thế sức người trong một hoặc một vài nhiệm vụ học tập.	- Luôn luôn sử dụng (quá phụ thuộc) hoặc không sử dụng AI vào các mục đích học tập. - Sử dụng AI với vai trò là một công cụ thay thế hoàn toàn sức người trong các nhiệm vụ học tập.

Tự đánh giá kĩ năng sử dụng AI.	- Tự đánh giá về kiến thức và kĩ năng sử dụng AI là tốt (mức độ từ đồng ý - hoàn toàn đồng ý và có độ lệch chuẩn nhỏ hơn hoặc bằng 0,5)	- Tự đánh giá về kiến thức và kĩ năng sử dụng AI là tốt (mức độ từ bình thường đến hoàn toàn đồng ý và có độ lệch chuẩn từ hơn 0,5 đến dưới 0,8)	- Tự đánh giá về kiến thức và kĩ năng sử dụng AI là tốt (mức độ từ hoàn toàn không đồng ý đến không đồng ý hoặc các mức độ khác nhưng độ lệch chuẩn từ 0,8 trở lên)
Nhận định và thái độ đối với AI	- Xem AI là một công cụ hỗ trợ, giúp tăng tốc độ làm việc nhưng không thay thế hoàn toàn sức người. - Nhận thức được lợi ích và rủi ro của AI.	- Xem AI là một công cụ hỗ trợ, đôi khi vẫn phụ thuộc vào AI khi gặp khó khăn. - Nhận thức được lợi ích và rủi ro của AI, tuy đôi khi còn tâm lý phụ thuộc.	- Xem AI là công cụ làm việc có thể thay thế sức người trong một hoặc nhiều công việc. - Không nhận thức được lợi ích, rủi ro của AI và bị phụ thuộc hoàn toàn vào nó.

3.2. Một số kết quả khảo sát đáng chú ý về thực trạng sử dụng công cụ AI trong học tập của học sinh

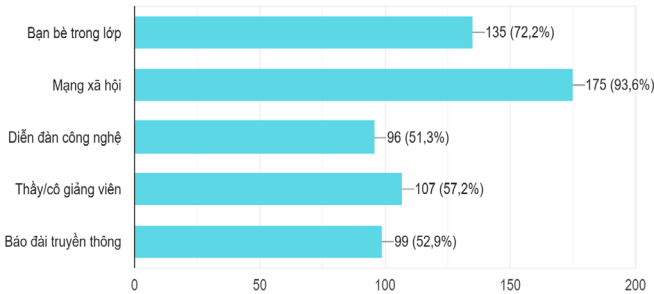
3.2.1. Mức độ hiểu biết về AI của học sinh trung học phổ thông

HS tiếp cận thông tin công cụ AI nhiều nhất thông qua mạng xã hội (93,6%). Điều này cũng dễ hiểu, khi việc tiếp cận mạng xã hội hiện nay quá dễ dàng với tất cả mọi người. Ngoài ra, giữa các HS với nhau chắc chắn sẽ luôn có sự trao đổi thông tin, không chỉ là các thông tin về học tập mà còn là về đời sống, sở thích, xu hướng,... Vì thế kênh thông tin mà qua đó HS được biết đến công cụ AI nhiều thứ hai là “bạn bè trong lớp” (72,2%). Trong các kênh thông tin mà bài khảo sát đưa ra, các kênh thông tin được coi là mang tính khoa học và có độ xác thực cao là “diễn đàn công nghệ”, “thầy cô/giảng viên” và “báo đài truyền thông” lần lượt chiếm 51,3%, 57,2% và 52,9%. Tuy đều chiếm hơn phân nửa số lượng người khảo sát nhưng đây là 3 tỉ lệ thấp nhất của tổng số 5 lựa chọn. Do đó có thể nói chất lượng của các kênh thông tin mà HS tiếp cận chưa thực sự tốt. Các em nên tìm hiểu thêm các kênh thông tin chính thống, đảm bảo tính khoa học và chất lượng.

Biểu đồ 1: Kết quả khảo sát các kênh thông tin mà qua đó HS được biết đến AI

4. Em đã biết đến công cụ AI thông qua các kênh thông tin nào? (Chọn nhiều đáp án)

187 câu trả lời



Bảng 3: Các công cụ AI HS đã từng nghe và sử dụng

Tên công cụ	Số lượng HS đã nghe đến	Số lượng HS đã sử dụng
Trợ lý ảo (Siri, Google Assistant, Bixby)	145 (chiếm 77,5%)	144 (chiếm 77%)
Công cụ hỗ trợ người dùng (ChatGPT, Gemini, Copilot)	172 (chiếm 92%)	166 (chiếm 88,8%)
Công cụ tạo hình ảnh (Midjourney, DALL-E, Stable Diffusion)	37 (chiếm 19,8%)	35 (chiếm 18,7%)
Hệ thống tìm kiếm, đề xuất nội dung (trên các nền tảng như TikTok, YouTube, Netflix, facebook,...)	152 (chiếm 81,3%)	148 (chiếm 79,1%)
Công cụ dịch thuật (Google Dịch, Microsoft Translator)	139 (chiếm 74,3%)	128 (chiếm 68,4%)
Công cụ chỉnh sửa ảnh tự động (nhận diện khuôn mặt trên điện thoại)	105 (chiếm 56,1%)	98 (chiếm 52,4%)
Các công cụ khác	1 (chiếm 0,5%)	0 (chiếm 0%)
Em chưa từng nghe/sử dụng bất kỳ công cụ AI nào	0 (chiếm 0%)	7 (chiếm 3,7%)

Nhìn chung, với mỗi loại công cụ AI đều có sự tương đồng về tỉ lệ phần trăm giữa số HS “đã nghe đến” và “đã sử dụng”. Công cụ AI đang rất phổ biến ở thời điểm hiện tại trong xã hội nói chung đều đã được HS nghe qua và sử dụng. Từ đó ta kết luận rằng khả năng và hiểu biết của HS về AI là khá tốt.

3.2.2. Mục đích sử dụng AI trong học tập

Bảng 4: Kết quả tần suất sử dụng của HS 3 khối lớp

Khối lớp	Tần suất sử dụng					Tổng (%)
	Có, luôn luôn sử dụng (%)	Thường xuyên sử dụng (%)	Đôi khi mới sử dụng (%)	Rất ít khi sử dụng (%)	Chưa bao giờ sử dụng (%)	
Khối 10	21,9	42,5	30,1	4,1	1,4	100
Khối 11	13,2	57,4	26,5	1,5	1,5	100
Khối 12	13	63	19,6	4,3	0	100

Xét ở cả ba khối lớp, tỉ lệ HS có tần suất sử dụng công cụ AI ở mức đôi khi - thường xuyên luôn ở mức cao nhất. Tuy nhiên, tỉ lệ phần trăm người học “luôn luôn” sử dụng AI ở ba khối lớp cũng không phải là thấp (đều từ 13% trở lên). Điều này cho thấy vẫn còn một bộ phận HS quá phụ thuộc vào AI. Đặc biệt là các HS khối 10 nhưng nếu nhìn theo hướng tích cực hơn: tỉ lệ HS nằm ở mức tần suất “luôn luôn” có sự giảm dần từ khối lớp 10 đến 12. Do đó, ta nhận xét được rằng: nhận thức “chỉ sử dụng AI vào lúc cần thiết” dần được HS thể hiện rõ khi càng trưởng thành qua từng năm học. Do đó, để cải thiện hơn nữa vấn đề trên, GV

và các nhà giáo dục cần có các biện pháp phù hợp áp dụng cho HS ngay từ năm học lớp 10. Học sinh lựa chọn sử dụng công cụ AI phục vụ cho các mục đích chủ yếu như Tìm kiếm thông tin và giải đáp thắc mắc, giải bài tập, viết tiểu luận, báo cáo,... Tuy nhiên, đây cũng là hoạt động tiềm ẩn rủi ro lớn nhất về việc lạm dụng, dẫn đến sự phụ thuộc và làm giảm khả năng tư duy độc lập, sáng tạo của người học. Kết hợp với tần suất sử dụng trên của ba khối lớp có thể đưa ra kết luận rằng hầu hết HS sử dụng công cụ AI phục vụ cho nhiều nhiệm vụ học tập khác nhau với tần suất từ “đôi khi” đến “thường xuyên”. Tuy nhiên vẫn nên theo dõi vì vấn đề đạo đức được đặt ra trong việc sử dụng công cụ AI của HS như: đạo văn, gian lận học thuật.

3.2.3. Tự đánh giá năng lực sử dụng AI

Kết quả tự đánh giá của HS về mức độ hiểu biết và kĩ năng sử dụng công cụ AI như sau: - Em tự đánh giá về mức độ hiểu biết về cách sử dụng công cụ AI trong học tập của bản thân là tốt: ĐTB 2,253, ĐLC 0,802, mức độ: đồng ý; - Em tự đánh giá kĩ năng sử dụng công cụ AI của mình tốt: ĐTB 2,36, ĐLC 9,774, mức độ: đồng ý. Số liệu trên cho thấy, HS tự đánh giá kiến thức và kĩ năng sử dụng AI của mình tốt. Điều này là một tín hiệu khả quan trong bối cảnh thực hiện mục tiêu Năng lực số theo KNLS 2025 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025) [2, tr. 6-7]. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn của của hai câu hỏi 10 và 11 trên lại có độ lệch chuẩn ở mức tương đối đáng kể, lần lượt là 0,802 và 0,774. Từ đó thấy được sự phân tán và không đồng nhất trong tự đánh giá của từng HS. Điều này đang phản ánh rằng đang có một sự chênh lệch nhất định về năng lực số giữa các cá nhân. Sự chênh lệch đó có thể xuất phát từ việc HS tiếp cận AI theo các kênh thông tin khác nhau, không chính thống hoặc thiếu sự hướng dẫn cụ thể từ nhà trường.

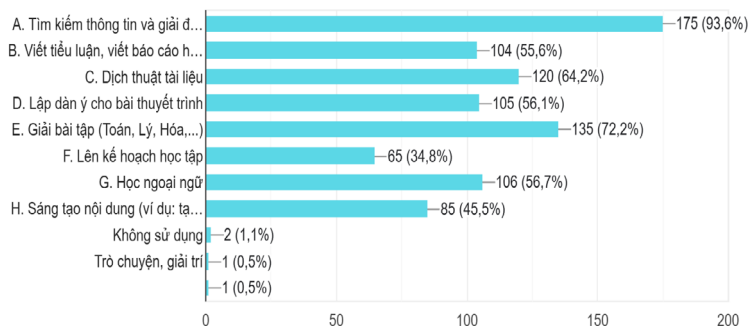
3.2.4. Nhận định và thái độ đối với AI

Để đánh giá về nhận định và thái độ của HS với công cụ AI, ta sử dụng điểm trung bình diễn giải

Biểu đồ 2: Kết quả công cụ AI được HS sử dụng phục vụ cho các mục đích học tập

9. Em sử dụng công cụ AI hỗ trợ gì trong học tập? (Có thể chọn nhiều đáp án)

187 câu trả lời



mức độ đồng ý của thang Likert 5 mức cùng với sử dụng tham số độ lệch chuẩn để nhận xét về độ phân tán của các mức độ đồng ý.

Bảng 5: Kết quả điểm trung bình và độ lệch chuẩn diễn giải mức độ đồng ý của thang Likert 5 mức về nhận định 'và thái độ của HS khi sử dụng công cụ AI

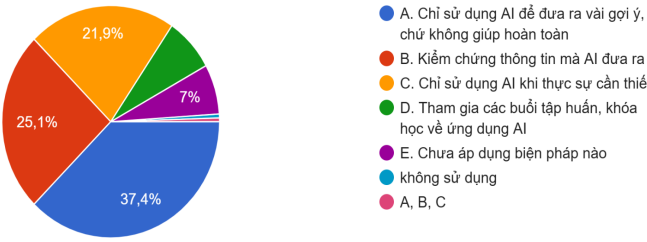
Nhận định và thái độ của HS	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ
Câu 12: Em nghĩ công cụ AI có thể giúp em học tập tốt hơn	2,054	0,741	Đồng ý
Câu 14: Em lo sợ rằng việc sử dụng công cụ AI sẽ khiến em mất đi khả năng tư duy sáng tạo	2,242	1,050	Đồng ý
Câu 15: Em lo sợ công cụ AI sẽ cung cấp thông tin sai lệch	1,758	0,682	Hoàn toàn đồng ý
Câu 16: Em lo sợ HS sẽ bị phụ thuộc vào công cụ AI nếu sử dụng nhiều	1,651	0,852	Hoàn toàn đồng ý
Câu 17: Em nhận thấy kiến thức ở trường đã giúp ích cho bản thân có thể sử dụng tốt công cụ AI trong quá trình học tập	2,376	0,741	Đồng ý
Câu 18: Em lo sợ rằng việc sử dụng công cụ AI trong học tập làm giảm khả năng giải quyết vấn đề của bản thân	2,366	0,979	Đồng ý

Kết quả trong bảng trên cho thấy HS có sự nhận thức rõ ràng về vai trò hỗ trợ của AI trong học tập (Câu 12), đồng thời cũng bày tỏ những lo ngại sâu sắc về tác động tiêu cực của công cụ này (câu 14, 15, 16, 18). Để giảm tác động tiêu cực của AI đến người sử dụng, HS đã sử dụng các biện pháp sau:

Các số liệu phần trăm trên cho ta thấy được khả năng tự nhận thức cao của người học khi sử dụng các công cụ AI. Bằng cách giới hạn vai trò của AI ở mức độ "gợi ý" hoặc "hỗ trợ", HS có ý thức giữ quyền tự chủ nhận thức trong quá trình học tập. Đây là điều tối quan trọng trong việc bảo vệ và phát

Biểu đồ 3: Các biện pháp HS đã sử dụng để giảm những tác động xấu của công cụ AI đến bản thân

20. Em đã áp dụng biện pháp nào dưới đây để khắc phục các trở ngại hoặc mối lo trong câu 17 đến 19?
187 câu trả lời



triển năng lực tự chủ và tự học - một trong những năng lực cốt lõi của Chương trình GDPT 2018 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018) [3, tr. 29]. Tuy nhiên, vẫn còn 7% HS được khảo sát vẫn chưa thực hiện các biện pháp nào. Một con số có thể nói là không đáng kể nhưng cũng khó để bỏ qua.

3.3. Đề xuất biện pháp cải thiện thực trạng sử dụng công cụ AI của học sinh

Kết quả đánh giá cuối cùng các biến khảo sát được thể hiện như sau: Mức độ hiểu biết về AI của HS THPT: Tốt; Mục đích sử dụng AI trong học tập: Trung bình, Tự đánh giá kĩ năng sử dụng AI: Trung bình; Nhận định và thái độ đối với AI: Tốt. Qua kết quả phân tích, đánh giá những vấn đề cần được quan tâm là: Về "mức độ hiểu biết về AI của HS": HS biết về AI qua đa dạng các kênh thông tin khác nhau nhưng có những kênh thông tin thiếu tính xác thực; Về "mục đích sử dụng AI trong học tập": vẫn còn một bộ phận HS quá phụ thuộc vào công cụ AI, đặc biệt là các HS lớp 10; Về "đạo đức khi sử dụng AI": vấn đề về đạo đức học thuật khi sử dụng các công cụ này vẫn chưa được GV quản lý chặt chẽ; Về "kĩ năng sử dụng AI": kĩ năng sử dụng AI giữa các cá nhân HS còn tương đối chênh lệch do các em thiếu sự hướng dẫn chung từ nhà trường; Về "nhận định và thái độ với AI": một số ít HS vẫn chưa nhận thấy những tác động tiêu cực của

AI đến bản thân. Nhằm cải thiện những vấn đề trên, các biện pháp được đề xuất với 2 mục tiêu chính: 1) Bồi dưỡng từ sớm cho tất cả HS biết cách sử dụng AI hiệu quả (sử dụng đúng cách, đúng mục đích, không bị phụ thuộc quá nhiều, tuân thủ đạo đức trong học thuật): Bồi dưỡng cho HS về các vấn đề về đạo đức trong học thuật, đạo đức trong khoa học,...; Tổ chức các buổi học/sinh hoạt về chủ đề AI để giáo dục HS cách sử dụng công cụ này một cách hiệu quả trong học tập; Các buổi học/sinh hoạt trên cần được tổ chức thường xuyên vào các thời điểm nhất định trong năm học. Bắt đầu thực hiện cho HS từ sớm nhất có thể. Tốt nhất là ngay từ đầu năm học lớp 10 và bồi dưỡng lại cho các năm học tiếp theo; 2) Đảm bảo chuẩn hóa kiến thức cho HS về AI, yêu cầu cần đạt của mức năng lực cơ bản theo KNLS 2025, nhà trường cần bắt đầu với việc xây dựng đội ngũ GV như sau: Tổ chức các buổi tập huấn cho GV về ứng dụng AI trong giảng dạy và cách hướng dẫn HS sử dụng AI; Cấp thiết xây dựng giáo trình/khung hướng dẫn chung để làm tài liệu bồi dưỡng cho HS trong các buổi ngoại khóa/buổi học về AI.

4. Kết luận

Mặc dù quy mô khảo sát giới hạn ở 187 HS tại một trường THPT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, các kết quả nghiên cứu đã cung cấp những minh chứng bước đầu cho thấy thực trạng nhận thức và thái độ của HS đối với việc ứng dụng công cụ AI đang có sự tương đồng mật thiết với các chỉ số thành phần trong KNLS 2025. Đặc biệt, các phát hiện này phản ánh sự chuyển dịch tích cực trong tư duy của người học, tiệm cận với miễn năng lực "Ứng dụng AI" - một trong những trụ cột quan trọng của năng lực số hiện đại. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng nhận diện được những rào cản cần được giải quyết: 1) Về phía người học: Tồn tại sự phân hóa đáng kể trong mức độ hiểu biết và kỹ năng vận dụng công cụ AI trong quá trình học tập giữa các cá nhân HS. Việc sử dụng các công cụ này phần lớn vẫn mang tính tự phát, chưa tối ưu hóa được công năng của công cụ AI để phục vụ các mục tiêu học tập chuyên sâu; 2) Về phía tổ chức: Công tác quản lý và định hướng tại nhà trường vẫn còn ở mức hạn chế. Sự thiếu hụt các biện pháp can thiệp sư phạm bài bản đã dẫn đến một "khoảng trống giáo dục", khiến HS thiếu đi sự hỗ trợ cần thiết để hình thành thái độ sử dụng các công cụ AI chuẩn mực và trách nhiệm. Từ những kết luận trên, nghiên cứu khẳng định tính cấp thiết của việc xây dựng một lộ trình phát triển năng lực sử dụng công cụ AI toàn diện. Điều này đòi hỏi sự song hành giữa hai chiến lược trọng tâm: 1) Chuẩn hóa các chương trình bồi dưỡng năng lực số cho HS; 2) Nâng cao năng lực sư phạm công nghệ cho đội ngũ GV. Việc trang bị cho GV những phương pháp giảng dạy tích hợp AI không chỉ giúp thu hẹp khoảng cách về kỹ năng mà còn đóng vai trò then chốt trong việc định hướng HS trở thành những công dân số có trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên giáo dục 4.0.

Tài liệu tham khảo

- [1] Billynguyen (2025). *AI xâm chiếm trường học: nhiều học sinh ngày càng lười tư duy*. <https://phuquynh.edu.vn/ai-xam-chiem-truong-hoc-nhieu-hoc-sinh-ngay-cang-lui-tu-duy/>, ngày 25/03/2025.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, ngày 24/01/2025 Quy định Khung năng lực số cho người học*.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
- [4] Bùi Trọng Tài, Nguyễn Minh Tuấn (2024). *Nghiên cứu ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục em hoạt động học tập của sinh viên*. Tạp chí Giáo dục, 24(10), 6-11.
- [5] Đặng Văn Em, Nguyễn Đình Loan Phương, Nguyễn Thị Hào (2024). *Thực trạng ứng dụng ChatGPT trong việc học tập: Nghiên cứu của sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Giáo dục, 24(1), 36-41.
- [6] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Hồng Đức, Hà Nội.
- [7] Norvig, P., & Russell, S. J. (1995). *Artificial intelligence a modern approach*. Publisher Pearson.
- [8] Nguyễn Đăng Nhật, Trần Thị Phương, Trần Phương Vi, Phạm Quỳnh Anh, Lê Hoàng Nguyên Ngọc, Dương Đức Giáp (2024). *Thực trạng ứng dụng ChatGPT trong học tập của sinh viên khoa kỹ thuật và công nghệ - Đại học Huế*. Tạp chí khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, số đặc biệt tháng 5, tr. 50-59.
- [9] Phan Trung Kiên, Nguyễn Đức Ca, Đinh Tiến Dũng (2024). *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học và nghiên cứu khoa học tại các trường đại học*. Tạp chí Giáo dục, 24 (24), 14-19.
- [10] Trường THPT Nguyễn Du (2022). *Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh Trung học phổ thông*. Nguồn: <http://www.thptnguyenduedu.vn/tu-van-hoc-duong/dac-diem-tam-sinh-li-lua-tuoi-hoc-sinh-trung-hoc-pho-thong-267547>, ngày 22/9/2022.
- [11] Saul McLeod. (2025). *Lý thuyết phát triển nhận thức của Vygotsky* (Bản dịch từ "Vygotsky's theory of cognitive development"). Simply Psychology. <https://www.simplypsychology.org/vygotsky.html>, 2025, October 16.